

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: **233** /SGD&ĐT-KHTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày **30** tháng 3 năm 2017

V/v tham gia ý kiến về Dự thảo Tờ trình Quy định thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT.

Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) được Ủy ban nhân (UBND) tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng Quy định việc thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 01/12/2016).

Căn cứ chương trình công tác năm 2017 của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT tổng hợp kết quả hiện trạng đã và đang thực hiện trong những năm qua; đề xuất nội dung, định mức thu, chi, công tác quản lý các khoản đóng góp thỏa thuận, tự nguyện trong các cơ sở giáo dục áp dụng từ năm học 2017-2018.

Trên cơ sở đó, Sở GD&ĐT xây dựng dự thảo Tờ trình UBND tỉnh cho phép các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện đề trình UBND tỉnh tháng 5/2017; đồng thời Dự thảo Công văn của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện một số khoản thu thỏa thuận cần thiết phục vụ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(Dự thảo kèm theo Công văn này)

Đề nghị các địa phương, đơn vị (như kính gửi) tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo Tờ trình của Sở GD&ĐT và Công văn của Chủ tịch UBND tỉnh gửi về Sở GD&ĐT trước ngày 06/4/2017 (đồng thời gửi file word theo địa chỉ Email: ntquan@bacgiang.edu.vn) để tổng hợp trình UBND tỉnh theo quy định.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị quan tâm thực hiện/.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KHTC.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thêm

Số: /UBND-KGVX

Bắc Giang, ngày tháng 5 năm 2017

V/v thực hiện một số khoản thu thỏa thuận cần thiết phục vụ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tài chính.

Căn cứ Thông báo kết luận phiên họp Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh tháng 5/2017 (số /TB-UBND ngày /5/2017) về thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và thực tiễn hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho phép các cơ sở giáo dục đào tạo công lập trên địa bàn tỉnh thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện để phục vụ hoạt động giáo dục từ năm học 2017-2018, cụ thể như sau:

1. Các khoản thu chi thỏa thuận phục vụ người học

1.1. Đối với trường mầm non.

a) Các khoản phục vụ học sinh bán trú

- Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ học sinh, đảm bảo đủ các chi phí (lương thực, thực phẩm, gia vị, chất đốt, nước, thuê người nấu ăn) để quy ra mức thu/ngày/học sinh; thu tiền ăn theo từng tháng trên cơ sở ngày học sinh thực ăn.

- Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: Các tài sản như xoong, nồi, bếp ga chi thu đối với học sinh mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng, trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp. Các dụng cụ vật tư tiêu hao như xà phòng, rổ, nước rửa bát ...thu theo học sinh ăn bán trú và thu theo học kỳ.

- Tiền phục vụ chăm sóc học sinh bán trú (trông trưa): Mức thu từ 90.000 đồng đến 205.000 đồng/học sinh/tháng. Chi bồi dưỡng người trực tiếp chăm sóc 80%; chi quản lý (gồm cán bộ quản lý, bảo vệ, người thu tiền) 10%; chi sửa chữa cơ sở vật chất 5%; chi trích quỹ phúc lợi và các chi phí khác liên quan đến bán trú 5%.

- Những vật dụng cá nhân sử dụng trong năm (bàn chải, khăn mặt,...): Nhà trường thống nhất cụ thể với phụ huynh để lựa chọn cách thức trang bị cho phù hợp.

- Tiền điện phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thắp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo từng tháng/học sinh (thu cùng tiền ăn).

b) *Tiền vệ sinh*: Thu tiền vệ sinh mức thu từ 4.000 đồng đến 8.000 đồng/học sinh/tháng, để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh.

c) *Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập của học sinh*

Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh (như bút chì, vở tập tô chữ cái, vở làm quen với toán, bút sáp, đất nặn ...) thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

1.2. Đối với các trường tiểu học

a) *Các khoản phục vụ học sinh bán trú*: Thực hiện như đối với mầm non

b) *Tiền vệ sinh*: Vệ sinh trong lớp và hành lang lớp học do học sinh đảm nhận. Vệ sinh sân trường, nhà vệ sinh của học sinh, mức thu từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/học sinh/tháng để thuê lao công, mua giấy vệ sinh.

c) *Tiền nước uống*: thu từ 2.000 đồng đến 6.000 đồng/tháng/học sinh để chi cho việc mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

d) *Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập của học sinh*: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

e) *Thu, chi tiền học 2 buổi/ngày*

- Mức thu: từ 80.000 đồng đến 110.000 đồng/học sinh/tháng, với thời gian học từ 9 đến 10 buổi/ tuần.

- Mức chi: Số tiền thu được chi 75% cho giáo viên trực tiếp tham gia dạy; chi 10% chi cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm lớp, nhân viên phục vụ, bảo vệ...; chi 10% phúc lợi tập thể; 5% chi phí khác phục vụ buổi học thứ 2 trong ngày và tăng cường cơ sở vật chất. Trường hợp có đủ giáo viên biên chế để dạy 9 buổi/tuần thì phần kinh phí chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy được sử dụng để chi trả lương cho giáo viên, ngân sách nhà nước điều chỉnh giảm phần kinh phí nhà nước đảm bảo.

g) *Thu chi các hoạt động giáo dục trải nghiệm, rèn kỹ năng sống cho học sinh*

Các hoạt động trải nghiệm gồm: hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa và các hoạt động xã hội khác; tổ chức các hoạt động xây dựng môi trường tiếng anh trong các cơ sở giáo dục...Nhà trường có trách nhiệm thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi trước khi triển khai.

1.3. Đối với trường THCS, THPT, Trung tâm GDNN-GDTX

a) *Thu tiền nước uống*: từ 4.000 đồng đến 6.000 đồng/tháng/học sinh để chi cho việc mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh; trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa.

b) *Tiền vệ sinh*: Từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/học sinh/tháng; để thuê lao công, mua giấy vệ sinh.

c) *Thu chi các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*: các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống

nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh...Nhà trường có trách nhiệm thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi trước khi triển khai.

d) Luyện kỹ năng làm bài thi: Trong quá trình thực hiện tổ chức dạy và học để nâng cao kỹ năng làm bài thi tuyển sinh, tốt nghiệp, tùy theo điều kiện của đơn vị, nhu cầu của nhân dân, các trường THCS, THPT, Trung tâm GDNN-GDTX thống nhất với phụ huynh tổ chức thi thử cho học sinh, mức thu đủ để chi cho ra đề, tổ chức coi, chấm, giấy thi, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm; bì đựng giấy kiểm tra.

1.4. Các cơ sở giáo dục tổ chức học tiếng Anh có giáo viên người nước ngoài

Cơ sở giáo dục thỏa thuận với phụ huynh học sinh để ra mức thu chi trả thù lao cho giáo viên theo quy định tại khoản 5, mục III, Đề án Đổi mới dạy và học tiếng Anh trong các trường phổ thông giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh.

2. Các khoản thu, chi theo tự nguyện

Trong điều kiện ngân sách nhà nước đầu tư và khoản thu học phí chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị (bàn ghế..) phục vụ cho dạy và học, các cơ sở được phép tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội tự nguyện đóng góp, theo nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc, không bình quân hoá mức đóng góp, thu đủ chi, để chi cho việc sửa chữa nhỏ, mua sắm bàn ghế, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Bên đóng góp không được yêu cầu bất kỳ một điều kiện nào trong việc sử dụng tiền đóng góp hưởng dịch vụ và khai thác tài sản của trường.

3. Thu chi các khoản tiếp nhận tài trợ, viện trợ

Các cơ sở giáo dục được phép tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ, quà biếu, cho, tặng của các tổ chức xã hội, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ GD&ĐT quy định về tiếp nhận tài trợ, viện trợ cho các cơ sở giáo dục trọng hệ thống giáo dục quốc dân.

Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện, định kỳ kiểm tra, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện khi kết thúc năm học.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KGVX;

Bản điện tử:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

Số: /TT-SGD&ĐT

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2017

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Quy định thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện
trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành nội dung, chương trình công tác của UBND tỉnh năm 2017;

Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND tỉnh cho phép các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện cần thiết cụ thể như sau:

I. CƠ SỞ VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI QUY ĐỊNH CÁC KHOẢN THU

1. Những căn cứ pháp lý

Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09/01/2013 của Chính phủ sửa đổi điểm b khoản 13 điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11/5/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông;

Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên mầm non;

Thông tư liên tịch số 35/2006/TILT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Thông tư số 26/2009/TT-BGD&ĐT ngày 06/9/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về quy định mặc đồng phục, lễ phục tốt nghiệp của học sinh và sinh viên;

Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân;

Thông tư số 29/2012/TT-BGD&ĐT ngày 10/9/2012, của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 6890/BGDĐT-KHTC ngày 18/10/2010 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn quản lý, sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện cho các cơ sở giáo dục và đào tạo;

Công văn số 5453/BGDĐT-KHTC ngày 02/10/2014 của Bộ GD&ĐT về tiếp tục chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các cơ sở giáo dục.

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế";

Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 10/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực GD&ĐT.

2. Cơ sở thực tiễn

Toàn ngành hiện có 813 cơ sở giáo dục công lập (Mầm non 268 trường; tiểu học 259 trường; trung học cơ sở 225 trường; THPT 15 trường; THPT công lập: 37 trường; 9 trung tâm).

Hằng năm, trước khi vào năm học mới, Sở GD&ĐT đều hướng dẫn và thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát về công tác tổ chức thu và quản lý, sử dụng các khoản thu trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; đại đa số các cơ sở giáo dục đều chấp hành thực hiện đúng các văn bản hướng dẫn về nguyên tắc, quy trình tổ chức thu và quản lý sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

Năm học 2016-2017, toàn tỉnh các cơ sở giáo dục đã thu 508.512 triệu đồng để phục vụ học sinh (mầm non 411.778 triệu đồng, tiểu học 75.747 triệu đồng, THCS 16.645 triệu đồng, THPT 4.342 triệu đồng). Trong đó chi tiền ăn 338.921 triệu đồng; tiền công trả giáo viên trông buổi trưa 88.939 triệu đồng; tiền điện phục vụ học sinh nghỉ buổi trưa 4.149 triệu đồng; mua sắm vật dụng phục vụ bán trú 8.295 triệu đồng; đồng phục, nước uống, giấy vệ sinh và các khoản thu khác 68.208 triệu đồng. Nguồn kinh phí trên huy động từ nhân dân là nguồn lực quan trọng để thực hiện chăm sóc, giáo dục trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các hoạt động giáo dục; cải thiện đời sống cán bộ giáo viên; góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại biểu số 1)

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện ở một số cơ sở giáo dục còn bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót như: không đảm bảo nguyên tắc "Thỏa thuận, tự nguyện, công khai, minh bạch, dân chủ"; mức thu, chi không thống nhất trên địa bàn, chưa phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương (nơi cao, nơi thấp); công tác quản lý chưa chặt chẽ thiếu khách quan, dân chủ; còn hiện tượng lạm thu, chi sai mục đích; các khoản thu từ người học chưa được hạch toán, kê toán theo quy định; còn hiện tượng tổ chức học thêm, dạy thêm trái quy định gây bức xúc trong nhân dân.

Giáo viên cấp tiểu học còn thiếu nhiều so với nhu cầu học 2 buổi/ngày; hiện nay chỉ đạt 1,4 giáo viên trên lớp (trong khi nhu cầu đủ để học 2 buổi/ngày là 1,61 giáo viên/trên lớp); toàn tỉnh có 162/259 trường tiểu học tổ chức cho 100% lớp học 2 buổi/ngày với 6-8 buổi/tuần, số còn lại do cơ sở vật chất, biên chế giáo viên nên chỉ đáp ứng được việc tổ chức dạy 2 buổi/ngày cho các lớp khối 3, 4 và 5. Thống kê tình dạy 02 buổi/ngày đối với bậc tiểu học năm học 2016-2017, có 7.192 giáo viên đảm nhận giảng dạy 5.124 lớp, số giờ vượt định mức là 101.837 giờ/tháng; tuy nhiên chưa có nguồn kinh phí để chi trả.

(Chi tiết tại biểu số 2)

Từ những căn cứ trên, việc UBND tỉnh cho phép các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh là cần thiết để đáp ứng tốt các mục tiêu sau:

(1) Tăng cường tính công khai, minh bạch và dân chủ trong các cơ sở giáo dục; tạo ra sự thống nhất trong công tác quản lý tài chính nói chung, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp từ người học nói riêng; khắc phục tình trạng “lạm thu”, dạy thêm học thêm trái quy định trong và ngoài các cơ sở giáo dục; tạo sự đồng thuận của phụ huynh học sinh và nhân dân.

(2) Khuyến khích, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực từ xã hội trong điều kiện ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được nhu cầu, tạo động lực thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo; tạo cơ hội nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

(3) Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; đảm bảo các chế độ chính sách đối với giáo viên mầm non, phổ thông; tăng cường mở rộng dạy 2 buổi/ngày ở tiểu học; đổi mới nội dung, hình thức dạy học, đánh giá học sinh, từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục toàn diện học sinh.

(Chi tiết số 3 kèm theo)

II. CÁC KHOẢN THU, CHI THỎA THUẬN VÀ TỰ NGUYỆN

1. Nguyên tắc

- Thực hiện thu đúng, thu đủ chi khi sử dụng phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, trước khi thu phải có dự toán thu, chi của từng khoản thu phải được sự thỏa thuận của cha mẹ học sinh bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, có sự thống nhất của ban giám hiệu, tập thể hội đồng giáo dục nhà trường và cơ quan quản lý cấp trên phê duyệt.

- Phải đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình tổ chức thu, khi sử dụng phải đúng mục đích theo quy định tại thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/03/2005 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế thực hiện công khai tài chính đối với nguồn quỹ có từ ngân sách nhà nước và có nguồn từ đóng góp của nhân dân; Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Phải hạch toán riêng từng khoản thu trên hệ thống sổ sách kế toán và được tổng hợp báo cáo quyết toán thu chi hàng năm, không được điều chuyển từ khoản thu này sang khoản thu khác, nếu khi kết thúc công việc hoặc cuối năm học, cuối năm ngân sách còn dư số tiền thu được phải để sử dụng cho năm sau và năm sau sẽ thu thấp hơn mức thu của năm trước.

- Ngoài các khoản thu thỏa thuận, tự nguyện quy định dưới đây các cơ sở giáo dục không được tự ý đặt ra bất kỳ một khoản thu nào khác, nếu thu sai quy định phải trả lại cho phụ huynh và học sinh.

2. Các khoản thu chi thỏa thuận phục vụ người học

2.1. Đối với trường mầm non.

a) Các khoản phục vụ học sinh bán trú

- Tiền ăn và tiền nước uống: Mức thu theo thỏa thuận với cha, mẹ học sinh, đảm bảo đủ các chi phí (lương thực, thực phẩm, gia vị, chất đốt, nước, thuê người nấu ăn) để quy ra mức thu/ngày/học sinh; thu tiền ăn theo từng tháng trên cơ sở ngày học sinh thực ăn.

- Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú: Các tài sản như xoong, nồi, bếp ga chỉ thu đối với học sinh mới tuyển vào trường hoặc toàn trường nếu trang bị lần đầu. Các nhà trường căn cứ vào hao mòn dụng cụ nhà bếp hàng năm đang sử dụng, trao đổi, thỏa thuận với phụ huynh về việc mua sắm trang bị cho phù hợp. Các dụng cụ vật tư tiêu hao như xà phòng, rô, nước rửa bát ...thu theo học sinh ăn bán trú và thu theo học kỳ.

- Tiền phục vụ chăm sóc học sinh bán trú (trông trưa): Mức thu từ 90.000 đồng đến 205.000 đồng/học sinh/tháng. Chi bồi dưỡng người trực tiếp chăm sóc 80%; chi quản lý (gồm cán bộ quản lý, bảo vệ, người thu tiền) 10%; chi sửa chữa cơ sở vật chất 5%; chi trích quỹ phúc lợi và các chi phí khác liên quan đến bán trú 5%.

Cơ sở tính để xây dựng mức thu: tại Điều 4, Thông tư số 48/2011/TT-BGDĐT ngày 25/10/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định đối với giáo viên dạy các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 02 buổi/ngày, mỗi giáo viên dạy trên lớp đủ 6 giờ/ngày và thực hiện các công việc chuẩn bị cho giờ dạy trên lớp cũng như các công việc khác do Hiệu trưởng quy định để quy đổi đảm bảo làm việc 40 giờ/tuần; đồng thời Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 24/01/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Chương trình giáo dục mầm non thì trẻ ngủ trưa tại trường khoảng 2 giờ (từ 110 đến 150 phút).

Với hệ số lương trung bình của giáo viên mầm non khoảng 2,46; mức lương cơ sở 1.300.000 đồng và 40% phụ cấp ưu đãi thì chi phí trông trẻ buổi trưa (có thể thêm giờ cho giáo viên và thuê thêm giáo viên hợp đồng) là:

+ Tiền công chi trả 01 giờ buổi trưa là: $(2,46 \times 1300.000 \times 140\%) = 4.477.200$ đồng;
 $4.477.200 \text{ đồng} / 120 \text{ giờ} \times 150\% \text{ lương thêm giờ} = 56.000$ đồng

+ Tiền công chi trả trông trẻ buổi trưa trong 01 tháng là: $56.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ giờ} \times 22 \text{ ngày} = 2.464.000$ đồng.

+ Chia cho số học sinh bình quân thì xác định mức thu:

* Mức thu tối thiểu (đối với lớp có 35 trẻ) là 90.000 đồng/tháng/trẻ, gồm: $2.464.000 \text{ đồng} / 35 \text{ trẻ} = 70.400 \text{ đồng} / \text{tháng}$; quản lý, tăng cường CSVC, phúc lợi 20% là 19.600 đồng.

* Mức thu tối đa (đối với lớp có 15 trẻ) là 205.000 đồng/tháng/trẻ, gồm: $2.464.000 \text{ đồng} / 15 \text{ trẻ} = 164.000 \text{ đồng}$; quản lý, tăng cường CSVC, phúc lợi 20% là 41.000 đồng)

- Những vật dụng cá nhân sử dụng trong năm (bàn chải, khăn mặt,...): Nhà trường thống nhất cụ thể với phụ huynh để lựa chọn cách thức trang bị cho phù hợp.

- Tiền điện phục vụ học sinh ăn, nghỉ buổi trưa: Thu, chi theo số dùng thực tế khi dùng điện thắp sáng, chạy quạt buổi trưa. Đối với trường mầm non có lắp đặt điều hòa tại lớp học được thu theo số điện sử dụng báo trên công tơ điện (đồng hồ đo điện) của từng lớp, thu theo từng tháng/học sinh (thu cùng tiền ăn).

b) *Tiền vệ sinh*: Thu tiền vệ sinh mức thu từ 4.000 đồng đến 8.000 đồng/học sinh/tháng, để chi trả tiền lao công phục vụ, nước, giấy vệ sinh và các khoản chi khác phục vụ cho công tác vệ sinh.

c) *Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập của học sinh*

Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh (như bút chì, vở tập tô chữ cái, vở làm quen với toán, bút sáp, đất nặn ...) thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

1.2. Đối với các trường tiểu học

a) *Các khoản phục vụ học sinh bán trú*: Thực hiện như đối với mầm non

b) *Tiền vệ sinh*: Vệ sinh trong lớp và hành lang lớp học do học sinh đảm nhận. Vệ sinh sân trường, nhà vệ sinh của học sinh, mức thu từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/học sinh/tháng để thuê lao công, mua giấy vệ sinh.

c) *Tiền nước uống*: thu từ 2.000 đồng đến 6.000 đồng/tháng/học sinh để chi cho việc mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết, thu để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

d) *Các loại đồ dùng, dụng cụ, tài liệu học tập của học sinh*: Nhà trường có trách nhiệm thông báo cụ thể từng loại đồ dùng, dụng cụ cần thiết cho học sinh hoặc cha mẹ học sinh, thống nhất chủ trương, kiểu mẫu, chất lượng với cha mẹ học sinh để lựa chọn và quyết định hình thức tổ chức thực hiện thích hợp.

e) *Thu, chi tiền học 2 buổi/ngày*

- Mức thu: từ 80.000 đồng đến 110.000 đồng/học sinh/tháng, với thời gian học từ 9 đến 10 buổi/ tuần.

+ Cơ sở tính để xây dựng mức thu: Để đảm bảo học 9 buổi/tuần (32 tiết), các trường tiểu học phải đảm bảo tỷ lệ 1,61 giáo viên/lớp (đã trừ các loại giờ quy đổi); hiện nay biên chế giáo viên tiểu học chỉ đạt 1,41 giáo viên/lớp; vì vậy cần có thêm 0,2 giáo viên/lớp.

Với hệ số lương trung bình của giáo viên là 3,75; mức lương 1.300.000 đồng; 40% phụ cấp ưu đãi, làm thêm giờ 150%, thì chi phí của 1 lớp dạy 2 buổi/ngày là 2.047.500 đồng:

$[3,75 \times 1.300.000 \text{ đồng} \times 140\%] \times 150\% = 10.237.500 \text{ đồng}$; chi phí đối với 0,2 giáo viên thiếu là $(10.237.500 \text{ đồng} \times 0,2) = 2.047.500 \text{ đồng}$

* Chia cho số học sinh bình quân để xác định mức thu/học sinh/tháng:

+ Mức thu tối đa 110.000 đồng/học sinh/tháng (đối với những lớp có sĩ số 25 học sinh): $[2.047.500 \text{ đồng}/25 \text{ học sinh} = 81.900 \text{ đồng}$ (chi trực tiếp người dạy); quản lý, tăng cường CSVC, trích quỹ phúc lợi 28.100 đồng]

+ Mức thu tối thiểu: 80.000 đồng/học sinh/tháng (đối với những lớp có sĩ số 35 học sinh): $[2.047.500 \text{ đồng}/35 \text{ học sinh} = 58.500 \text{ đồng}$ (chi trực tiếp người dạy); quản lý, tăng cường CSVC, trích quỹ phúc lợi 19.500 đồng]

- Mức chi: Số tiền thu được chi 75% cho giáo viên trực tiếp tham gia dạy; chi 10% chi cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm lớp, nhân viên phục vụ, bảo vệ...; chi 10% phúc lợi tập thể; 5% chi phí khác phục vụ buổi học thứ 2 trong ngày và tăng cường cơ sở vật chất. Trường hợp có đủ giáo viên biên chế để dạy 9 buổi/tuần thì phần kinh phí chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy được sử dụng để chi trả lương cho giáo viên, ngân sách nhà nước điều chỉnh giảm phần kinh phí nhà nước đảm bảo.

g) *Thu chi các hoạt động giáo dục trải nghiệm, rèn kỹ năng sống cho học sinh*

Các hoạt động trải nghiệm gồm: hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa và các hoạt động xã hội khác; tổ chức các hoạt động xây dựng môi trường tiếng anh trong các cơ sở giáo dục...Nhà trường có trách nhiệm thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi trước khi triển khai.

1.3. Đối với trường THCS, THPT, Trung tâm GDNN-GDTX

a) *Thu tiền nước uống*: từ 4.000 đồng đến 6.000 đồng/tháng/học sinh để chi mua nước uống tinh khiết hoặc đun nước uống phục vụ học sinh. Trường hợp có hệ thống lọc nước tinh khiết thì thu để chi phí tiền điện, công vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống.

b) *Tiền vệ sinh*: Từ 3.000 đồng đến 5.000 đồng/học sinh/tháng; để thuê lao công, mua giấy vệ sinh.

c) *Thu chi các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*: các hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hóa, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh...Nhà trường có trách nhiệm thống nhất với phụ huynh học sinh về nội dung hoạt động và dự toán thu chi trước khi triển khai.

d) *Luyện kỹ năng làm bài thi*: Trong quá trình thực hiện tổ chức dạy và học để nâng cao kỹ năng làm bài thi tuyển sinh, tốt nghiệp, tùy theo điều kiện của đơn vị, nhu cầu của nhân dân, các trường THCS, THPT, Trung tâm GDNN-GDTX thống nhất với phụ huynh tổ chức thi thử cho học sinh, mức thu đủ để chi cho ra đề, tổ chức coi, chấm, giấy thi, giấy nháp, vật tư văn phòng phẩm; bì đựng giấy kiểm tra.

1.4. Các cơ sở giáo dục tổ chức học tiếng Anh có giáo viên người nước ngoài

Cơ sở giáo dục thỏa thuận với phụ huynh học sinh để ra mức thu chi trả thù lao cho giáo viên theo quy định tại khoản 5, mục III, Đề án Đổi mới dạy và học tiếng Anh trong các trường phổ thông giai đoạn 2016-2020 kèm theo Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh.

2. Các khoản thu, chi theo tự nguyện

Trong điều kiện ngân sách nhà nước đầu tư và khoản thu học phí chưa đáp ứng được nhu cầu sửa chữa nhỏ, mua sắm trang thiết bị (bàn ghế...) phục vụ cho dạy và học, các cơ sở được phép tuyên truyền vận động phụ huynh học sinh và các tổ chức xã hội tự nguyện đóng góp, theo nguyên tắc tự nguyện, không ép buộc, không bình quân hoá mức đóng góp, thu đủ chi, để chi cho việc sửa chữa nhỏ, mua sắm bàn ghế, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học. Bên đóng góp không được yêu cầu bất kỳ một điều kiện nào trong việc sử dụng tiền đóng góp hưởng dịch vụ và khai thác tài sản của trường.

3. Thu chi các khoản tiếp nhận tài trợ, viện trợ

Các cơ sở giáo dục được phép tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ, quà biếu, cho, tặng của các tổ chức xã hội, cá nhân theo quy định tại Thông tư số 29/2012/TT-BGDĐT ngày 10/9/2012 của Bộ GD&ĐT quy định về tiếp nhận tài trợ, viện trợ cho các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

III. QUY TRÌNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, GDTX

- Xây dựng dự toán thu, chi ứng với từng nội dung công việc, thống nhất trong Ban giám hiệu, tập thể hội đồng nhà trường về mức thu, mức chi, đối tượng thu và đối tượng hưởng lợi, hình thức tổ chức huy động đóng góp.

- Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của toàn thể phụ huynh học sinh, lập biên bản có đầy đủ chữ ký thống nhất của các thành phần tham dự hội nghị.

- Lập tờ trình kèm theo hồ sơ trình Phòng GD&ĐT (đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS) và Sở GD&ĐT (đối với các trường THPT, Trung tâm GDNN, GDTX và Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh) phê duyệt để tổ chức thực hiện.

- Khi được cơ quan cấp trên phê duyệt các cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện thu, trước khi thu phải công khai các khoản thu, mức thu, chi của từng khoản thu được duyệt trước tập thể Hội đồng nhà trường, Hội phụ huynh học sinh theo qui định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Tổ chức công bố công khai các quy định, các khoản thu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân và cha mẹ học sinh biết.

- Chỉ đạo Phòng GD&ĐT chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm định phê duyệt mức thu, chi của từng khoản thu đối với các cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý, tổng hợp báo cáo UBND huyện, thành phố, Sở GD&ĐT và Sở Tài chính về kết quả tổ chức thu, quản lý sử dụng các khoản thu nêu trên của năm học trước và kế hoạch thực hiện thu các khoản thu năm học sau.

- Chỉ đạo Phòng GD&ĐT chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thường xuyên phối hợp với các phòng chức năng có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn quản lý.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc chỉ đạo thực hiện thu các khoản thu của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố

- Tổ chức thẩm định phê duyệt mức thu, chi của từng khoản thu đối với các cơ sở giáo dục công lập theo phân cấp quản lý; đảm bảo sát thực tế, đúng nội dung, đúng mục đích sử dụng, có sự đồng đều giữa các trường trong cùng bậc học, cùng khu vực địa bàn quản lý.

- Tổ chức công bố công khai các quy định, các khoản thu trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân và cha mẹ học sinh được biết.

- Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ sở giáo dục hạch toán thu chi các khoản thỏa thuận, tự nguyện theo đúng quy định.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu, chi các khoản thỏa thuận, tự nguyện tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Hằng năm, tổng hợp báo cáo và đánh giá tình hình thực hiện các khoản thu khác của các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc và của Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, gửi Sở Tài chính và UBND tỉnh theo quy định.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUY ĐỊNH VÀ ĐỀ XUẤT THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thực hiện chương trình công tác năm 2017 của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT đã chỉ đạo Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT tổng hợp kết quả hiện trạng đã và đang thực hiện trong những năm qua; đề xuất nội dung, định mức thu, chi, công tác quản lý các khoản đóng góp thỏa thuận, tự nguyện trong các cơ sở giáo dục.

Trên cơ sở đó, Sở GD&ĐT dự kiến trình UBND tỉnh cho phép các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh thu, sử dụng các khoản thu thỏa thuận và tự nguyện; tiếp tục tổ chức xin ý kiến các Ban của HĐND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố. Trong quá trình xây dựng dự thảo quy định Sở GD&ĐT đã tham khảo thực tế quy định của một số tỉnh, thành phố trong cả nước¹.

Quy định này áp dụng từ năm học 2017-2018. Sở GD&ĐT kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Hiền

¹ UBND tỉnh Bắc Ninh, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An...

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY ĐỘI VỚI GIÁO DỤC TIỂU HỌC KHI THỰC HIỆN DẠY HỌC 2 BƯỚC/NGÀY

(Kèm theo Tờ trình số: /TT-SGD&ĐT ngày tháng 3/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên đơn vị	Hiện trạng đội ngũ giáo viên								SỐ TIẾT THỰC TẾ DẠY ĐỘI VỚI CÁC TRƯỜNG TỰ CHỨC DẠY TỪ 9 ĐẾN 10 BƯỚC/TUẦN																	
		Số giáo viên		Chưa ra		Tiết số lương phụ cấp bình quân	Số lớp	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	CBQL								Số tiết theo quy định 9 buổi/tuần										
		Tổng số	Đội	Giáo viên dạy môn văn hóa	Giáo viên dạy môn khác				TS tiết dạy/ tuần	HT	PHHT	TS tiết/ tuần	Buổi sáng	Buổi chiều	TS	Chức nhiệm (3 tiết/ tuần)	Tổ trưởng (3 tiết/ tuần)	Thanh tra nhân dân (2 tiết/ tuần)	Thư ký đồng (2 tiết/ tuần)	Công Đoàn (theo TT 08)	GV nữ con dười 12 tháng, nghỉ chế độ thai sản	Số tiết phải dạy của ĐỘI theo hàng	T số tiết dạy theo quy định/ tuần đối với CBQL, GV hiện có	Tổng số tiết dạy thực tế/ tuần theo quy định	Số tiết chênh lệch/ tuần	Số GV vắng thêm để dạy 2 buổi/ ngày	Định mức tỷ lệ GV cần ứng dụng để đảm bảo dạy đủ 2 buổi/ngày
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
	Tổng cộng	7.394	202	5.708	1.484	3,75	5.124	1,4	2.300	268	441	8.747	1.370	1.089	30.115	822	821	548	548	1.475	9.709	1.516	169.232	193.606	25.459	1.107	1,61
I	Sơn Đông	581	20	474	87	3,6	341	1,65	210	23	41	736	115	92	2.194	69	69	46	46	115	757	168	13.281	13.106	525	23	1,626
II	Luc Ngan	1.185	1	980	204	3,6	796	1,49	334	35	66	1.184	185	148	4.652	111	111	74	74	185	1.998	140	27.706	30.124	2.475	108	1,62
III	Luc Nam	931	33	729	169	4,06	593	1,51	312	38	59	1.216	190	152	3.675	114	114	76	76	190	1.212	226	21.192	22.651	1.557	68	1,62
IV	Yên Thế	536	23	393	120	3,67	355	1,45	148	20	27	736	115	92	2.277	69	69	46	46	220	693	148	12.095	13.637	1.594	69	1,634
V	Yên Dũng	563	22	400	141	3,84	370	1,46	216	22	43	704	110	88	2.236	66	66	44	44	110	730	120	12.779	14.076	1.436	62	1,615
VI	Tân Yên	684	26	514	144	3,88	504	1,31	232	26	45	832	130	104	2.868	78	78	52	52	130	888	94	15.460	18.996	3.536	154	1,611
VII	Hiệp Hòa	899	35	712	152	3,57	669	1,29	264	34	49	1.120	175	140	3.800	105	104	70	70	175	1.166	240	20.376	25.208	4.832	210	1,61
VIII	Việt Yên	704	0	544	160	3,63	534	1,32	192	28	34	896	140	112	3.056	84	84	56	56	140	950	192	16.576	20.144	3.574	155	1,61
IX	Lang Giang	758	26	534	198	3,91	564	1,30	228	26	44	811	130	97	3.148	78	78	52	52	130	988	100	17.164	20.719	3.567	155	1,57
X	Bắc Giang	553	16	428	109	3,66	398	1,35	164	16	33	512	80	64	2.207	48	48	32	32	80	725	88	12.603	14.943	2.362	103	1,61

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biểu số 3

TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT CÁC KHOẢN THU, ĐỊNH MỨC CHI
TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP NĂM HỌC 2017-2018

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-SGD&ĐT ngày tháng 3/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên đơn vị, nội dung thu chi	Mức thu/học sinh/tháng (đồng)	Tổng đề xuất chung mức chi					Chi phục vụ học sinh
			Tỷ lệ chi (%)					
			Cán bộ giáo viên trực tiếp	Cán bộ quản lý, bộ phận phục vụ	Chi tăng cường CSVC	Phúc lợi, chi khác		
I	Mâm non							
1	Tiền công trả GV trông trưa	90.000-205.000	80	10	5	5	100	
2	Giấy vệ sinh	4.000-8.000					100	
II	Tiểu học							
1	Tiền công dạy 02 buổi/ngày	80.000-110.000	75	10	5	10	100	
2	Tiền công trả GV trông trưa	90.000-205.000	80	10	5	5	100	
4	Nước uống	2.000-.6000					100	
5	Vệ sinh	3.000-5.000					100	
III	THCS, THPT							
1	Nước uống	4.000-.6000					100	
2	Giấy vệ sinh	3.000-5.000					100	